

Số:/BC.....

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 01 năm 2020

Kính gửi: Trung tâm Y tế Dự phòng Quận 1, TP.HCM

**BÁO CÁO
Y TẾ LAO ĐỘNG CỦA CƠ SỞ LAO ĐỘNG**

Báo cáo cả năm 2019

(Cơ sở lao động gửi báo cáo về Trung tâm Y tế (dự phòng) quận/huyện/thành phố thuộc tỉnh. Đối với cơ sở trực thuộc bộ, ngành gửi thêm 01 bản về đơn vị y tế bộ, ngành)

I. Thông tin chung

1. Tên cơ sở lao động: **KHÁCH SẠN BẾN THÀNH (REX)**

2. Trục thuộc: tỉnh/thành phố bộ, ngành

3. Địa chỉ: 141 Nguyễn Huệ, P.Bến Nghé, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh

Số điện thoại liên hệ: (028) 38 292 185

Email: rexhotel@rex.com.vn

Fax: (028) 3829 6536

4. Mặt hàng sản xuất, dịch vụ chính: Nhà Hàng – Khách Sạn

5. Số người lao động: 497 người

5.1. Tổng số: 497 người Trong đó nữ: 169 người

5.2. Số lao động trực tiếp sản xuất: 298 người Trong đó nữ: 134 người

5.3. Số lao động làm nghề, công việc nặng nhọc độc hại nguy hiểm: 74 người Trong đó nữ: 8 người

6. Lập hồ sơ vệ sinh lao động theo Nghị định 39/2016/NĐ-CP:

Có

Không

7. Tổ chức bộ phận y tế

7.1. Người làm công tác y tế: Có Không

Nếu có, ghi rõ thông tin về người làm công tác y tế tại cơ sở lao động:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Số điện thoại liên hệ	Chứng chỉ chứng nhận về y tế lao động (có/không)
1	Lê Thiện Anh Tuấn	Bác sĩ	0903980961	
2				
3				
...				

7.2. Trạm/phòng y tế/phòng khám /bệnh viện: Có Không

Nếu có, ghi cụ thể hình thức tổ chức: phòng khám

7.3. Thuê, hợp đồng với đơn vị y tế: Có Không

Nếu có, ghi rõ:

- Tên cơ sở cung cấp dịch vụ: Chi nhánh Công ty TNHH Phòng Khám Đa khoa Sài Gòn – Trung tâm Khám bệnh Số 2

- Địa chỉ: 132 Lý Thái Tổ, Phường 02, Quận 3, TP.HCM

- Số điện thoại liên hệ: (028) 3830 6677

- Nội dung cung cấp dịch vụ: Cấp cứu và điều trị

- Thời gian cung cấp dịch vụ: 01/05/2019 – 01/05/2020

8. Lực lượng sơ cứu tại nơi làm việc (đối với cơ sở sản xuất kinh doanh) 21 người

Số lượng người lao động tham gia lực lượng sơ cứu: 21 người

Trong đó số nữ: 04 người

9. Công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện công tác vệ sinh lao động, chăm sóc sức khỏe người lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp trong kỳ báo cáo (của các cơ quan chức năng đối với cơ sở lao động)

TT	Ngày kiểm tra	Đơn vị kiểm tra	Nội dung kiểm tra	Ghi chú
1	24/05/2019	Chi nhánh Công ty TNHH Phòng Khám Đa khoa Sài Gòn – Trung tâm Khám bệnh Số 2	Khám sức khỏe Thẻ xanh (Nghị định 155), sổ Hồng	
2	21/11/2019	Chi nhánh Công ty TNHH Phòng Khám Đa khoa Sài Gòn – Trung tâm Khám bệnh Số 2	Khám sức khỏe Thông tư 14, khám bệnh Nghề nghiệp	
...				

II. Điều kiện lao động và số lao động tiếp xúc với yếu tố có hại

TT	Yếu tố quan trắc	Tổng số mẫu		Số mẫu không đạt		Số lao động tiếp xúc	
						Tổng số	Trong đó số nữ
1	Nhiệt độ	05		0			
2	Độ ẩm	05		0			
3	Tốc độ gió	05		0			
4	Bức xạ nhiệt	0		0			
5	Ánh sáng	05		0			
6	Bụi	Silic	Khác	Silic	Khác		
	- Bụi toàn phần		02		0		
	- Bụi hô hấp		01		0		
	- Các loại bụi khác	0		0			
7	Ồn	05		0			
8	Rung	01		0			
9	Hơi khí độc	0		0			
	...						

10	Phóng xạ	0	0		
11	Điện từ trường	0	0		
12	Yếu tố tiếp xúc nghề nghiệp				
	...				
13	Đánh giá yếu tố tâm sinh lý và ec-gô-nô-my				
	...				
14	Các yếu tố khác				
	...				
	<i>Tổng cộng</i>				

III. Nghỉ việc do ốm đau, tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp

Thời gian		Ốm				Tai nạn lao động				Bệnh nghề nghiệp				Tổng số			
Quý	Tháng	Số người	Tỷ lệ	Số ngày	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ	Số ngày	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ	Số ngày	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ	Số ngày	Tỷ lệ
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
I	1	2	0,4%	13	6,5%	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0,4%	13	6,5%
	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
II	4	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	5	1	0,2%	14	14%	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0,2%	14	14%
	6	1	0,2%	1	1%	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0,2%	1	1%
III	7	1	0,2%	1	1%	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0,2%	1	1%
	8	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	9	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
IV	10	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	11	1	0,2%	26	26%	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0,2%	26	26%
	12	3	0,6%	20	6,7%	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0,6%	20	6,7%
Cộng		9	1,8%	75	55,2%	0	0	0	0	0	0	0	0	9	1,8%	75	55,2%

Ghi chú:

- Cột 2, 14: tỷ lệ % so với tổng số người lao động.
- Cột 6: tỷ lệ % so với tổng số người lao động trực tiếp sản xuất.
- Cột 10: tỷ lệ % so với tổng số người lao động tiếp xúc với các yếu tố có hại.
- Cột 4, 8, 12, 16: số ngày trung bình (được tính bằng tổng số ngày nghỉ/tổng số người nghỉ do từng nguyên nhân).

2. Danh sách trường hợp bệnh nghề nghiệp

TT	Họ tên bệnh nhân	Tuổi		Nghề khi bị BNN	Tuổi nghề	Ngày phát hiện bệnh	Tên BNN	Tỷ lệ suy giảm KNLD	Công việc hiện nay
		Nam	Nữ						
1									
2									
3									
...									

V. Tình hình bệnh tật và tai nạn lao động

TT	Nhóm bệnh	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
I. Thống kê tổng số trường hợp mắc các loại bệnh thông thường:					
1	Lao phổi				
2	Ung thư phổi				
3	Viêm xoang, mũi họng, thanh quản cấp				
4	Viêm xoang, mũi họng, thanh quản mãn				
5	Viêm phế quản cấp				
6	Viêm phế quản mãn				
7	Viêm phổi				
8	Hen phế quản, giãn phế quản, dị ứng				
9	Ỉa chảy, viêm dạ dày, ruột do NT				
10	Nội tiết				
11	Bệnh tâm thần				
12	Bệnh thần kinh tr/ương và ngoại biên				
13	Bệnh mắt				
14	Bệnh tai				
15	Bệnh tim mạch				
16	Bệnh dạ dày, tá tràng				
17	Bệnh gan, mật				
18	Bệnh thận, tiết niệu				
19	Bệnh phụ khoa/số nữ				
20	Sảy thai/số nữ có thai				
21	Bệnh da				
22	Bệnh cơ, xương khớp				
23	Bệnh sốt rét				
24	Các loại bệnh khác (Ghi rõ cụ thể)				
	-				
	- ...				
	Cộng	0	0	0	0

II. Các trường hợp mắc bệnh nghề nghiệp									
	Bệnh nghề nghiệp								
III. Các trường hợp tai nạn lao động		Mắc	Chết	Mắc	Chết	Mắc	Chết	Mắc	Chết
	Tai nạn lao động								
Tổng cộng		0	0	0	0	0	0	0	0

Thống kê kết quả khám, chẩn đoán của người lao động tự đi khám hoặc phân loại bệnh thông qua khám sức khỏe định kỳ hoặc khám phát hiện sớm bệnh nghề nghiệp tại cơ sở lao động.

VI. Phân loại sức khỏe:

+ **Đợt 1: ngày 24/05/2019:**

* **Khám sức khỏe Nghị định 155:**

Số người được KSK định kỳ	Tổng số	Loại I	Loại II	Loại III	Loại IV	Loại V	Khác
Nam	121	10	42	39	17	10	3
Tỷ lệ %	100%	8%	35%	32%	14%	8%	3%
Nữ	44	0	24	13	4	3	0
Tỷ lệ %	100%	0%	54%	29%	9%	8%	0%
Tổng cộng	165	10	66	52	21	13	3
Tỷ lệ %	100%	6%	40%	31%	13%	8%	2%

* **Khám sức khỏe Sở Hồng:**

Số người được KSK định kỳ	Tổng số	Loại I	Loại II	Loại III	Loại IV	Loại V
Nam	100	1	28	46	12	13
Tỷ lệ %	100%	1%	28%	46%	12%	13%
Nữ	60	2	35	17	6	0
Tỷ lệ %	100%	3%	59%	28%	10%	0%
Tổng cộng	160	3	63	63	18	13
Tỷ lệ %	100%	2%	39%	39%	11%	9%

+ **Đợt 2: ngày 21/11/2019:**

Số người được KSK định kỳ	Tổng số	Loại I	Loại II	Loại III	Loại IV	Loại V	Khác
Nam	82	1	37	31	9	4	0
Tỷ lệ %	100%	1%	45%	38%	11%	5%	0%
Nữ	60	2	27	24	5	1	1
Tỷ lệ %	100%	3%	45%	40%	8%	2%	2%
Tổng cộng	142	3	64	55	14	5	1
Tỷ lệ %	100%	2%	45%	39%	10%	3%	1%

VII. Công tác huấn luyện

TT	Nội dung huấn luyện	Số lượng người được huấn luyện	
		Tổng số	Số nữ
1	Huấn luyện về sơ cấp cứu	70	25
2	Huấn luyện về an toàn lao động		
3	Huấn luyện lực lượng sơ cứu		
4	Các nội dung huấn luyện khác		
	(Ghi cụ thể)...		

VIII. Kinh phí chi trả cho công tác vệ sinh lao động, chăm sóc sức khỏe người lao động

Stt	Nội dung hoạt động	Số tiền	Ghi chú
1	Khám sức khỏe định kỳ	180,705,000	
2	Khám phát hiện bệnh nghề nghiệp	14,640,000	
3	Khám định kỳ bệnh nghề nghiệp	0	
4	Huấn luyện an toàn vệ sinh lao động	11,000,000	
5	Huấn luyện sơ cứu, cấp cứu	5,000,000	
6	Quan trắc môi trường lao động	14,960,000	
7	Bồi thường tai nạn lao động	0	
8	Bồi thường bệnh nghề nghiệp	0	
9	Chi phí điều trị các bệnh thông thường tại cơ sở LĐ	0	
10	Chi phí liên quan khác	3,000,000	BH Trách nhiệm công cộng
	Tổng cộng	229,305,000	

IX. Các kiến nghị và kế hoạch dự kiến trong kỳ báo cáo tới

Thủ trưởng đơn vị
Giám đốc
Phan Thanh Long <Đã ký>

Người báo cáo
Đại diện Lãnh đạo Môi trường
Vũ Ngọc Lộc <Đã ký>